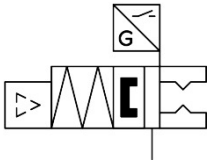


Xy lanh kẹp loại song song HPPH-16-16-NC-N-SR12

Số bộ phận: 8205392

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	16
Tổng hành trình	16 mm
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	8 mm
Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rù, ay	0 °
Khe chấu kẹp tối đa Sz	0 mm
Độ chính xác lặp lại kẹp	0.06 mm
Số chấu kẹp	2
Loại bộ truyền động	khí nén
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Đệm	một bên không thể điều chỉnh
Chức năng kẹp	Song song
Thiết bị an toàn lực kẹp	khí đóng
Cấu trúc xây dựng	Hướng kết nối ở bên Pít tông đôi Kiểu gắn phẳng cho ngón tay kẹp Dẫn hướng Thanh răng/bánh răng với ngón tay kẹp Máy kẹp khí nén chuỗi chuyển động cưỡng bức
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu
Phát hiện vị trí	tích hợp với encoder đo vị trí
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED màu xanh lam, trạng thái chuyển đổi thông qua tín hiệu đầu vào
Áp suất vận hành	0.25 MPA...0.7 MPA 2.5 bar...7 bar 36.25 psi...101.5 psi
Áp suất vận hành MRK	0.25 MPA...0.5 MPA 2.5 bar...5 bar 36.25 psi...72.5 psi
Tần số làm việc tối đa của kẹp	1 Hz
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPA (6 bar, 87 psi)	180 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPA (6 bar, 87 psi)	90 ms
Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài	100 g

Đặc tính	Giá trị
Tiêu thụ điện tối đa	0.1 A
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Đầu vào chuyển mạch	NPN
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	TÜV Süd M70132770525.01
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Độ ẩm tương đối	0 - 90 % không cô đặc
Mức áp suất âm thanh	75 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	278 N...302 N
Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	139 N...151 N
Đóng tổng lực kẹp MRK	232 N...256 N
Lực kẹp trên mỗi chấu kẹp đóng MRK	116 N...128 N
Lưu ý về lực kẹp	phụ thuộc vào hành trình với lò xo nén tích hợp
Lực lò xo lý thuyết trên mỗi chấu kẹp, đóng	23.3 N...34.9 N
Mô-men quán tính khối lượng	0.6 kgcm ²
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	176 N
Thời điểm tối đa Mx	2.8 N m
Max. Moment My	1.4 N m
Mô-men tối đa Mz	1.4 N m
Bán kính uốn, định tuyến cấp cố định	26 mm
Bán kính uốn, định tuyến cấp có thể di chuyển	52 mm
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
trọng lượng sản phẩm	680 g
Trọng lượng phôi được đề xuất cho HRC	1 kg
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	được kê góc
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	8
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	6
Cổng nối điện 1, mô men xoắn siết chặt	0.2 N m
Kiểu gắn	với bộ gá theo ISO 9409
Cổng nối khí nén	cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 4 mm
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu lò xo	thép hợp kim cao không gỉ

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Hàm kẹp vật liệu	thép hợp kim
Vật liệu pít tông	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu con dấu piston	TPE-U(PU)
Vật liệu vòng đệm chữ O	HNBR NBR
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm thép hợp kim cao
Vật liệu bánh răng	thép hợp kim cao
Vật liệu ngón tay kẹp	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa